

MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ VĂN HOÁ XUNG HỒ CỦA NGƯỜI VIỆT NAM

PHẠM THÀNH

1. So với các ngôn ngữ khác như tiếng Nga, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Việt có một khối lượng khổng lồ các từ xưng hô và cơ chế hoạt động của các từ xưng hô này hết sức đa dạng, tạo nên một số lượng biến thiên những cặp từ xưng hô trong giao tiếp. Khối lượng từ xưng hô rất lớn, bao gồm các đại từ nhân xưng gốc (tao, mày, nó) và hàng loạt các từ được vay mượn từ danh từ thân tộc (cụ, ông, bà, bác, cô, chú, anh, chị, em v.v...), danh từ chỉ người (bạn, đồng chí v.v...) danh từ chỉ nghề nghiệp, chức vụ (giáo sư, bác sĩ, giám đốc...), đại từ chỉ nơi chốn (đây, đấy) từ gốc Hán hay gốc Pháp (thị, y, moa, toa). Hầu hết các từ xưng hô trên đều có khả năng tạo các cặp rất lớn. Chẳng hạn, từ xưng hô (bác) có thể tạo cặp với một loại các từ xưng hô khác : bác - cháu, bác - tôi, bác - em, bác - con. Từ em có thể tạo cặp với một loại từ xưng hô khác : em - anh, em - bác, em - ông, em - tôi v.v....

Sẽ không thể miêu tả và lý giải được hiện tượng trên nếu không tìm đến sự tác động của những cơ chế bên ngoài hệ thống từ xưng hô. Mạnh mẽ và có khuynh hướng chủ đạo là sự tác động của văn hóa xưng hô trong ứng xử giao tiếp của người Việt Nam. Văn hóa xưng hô của người Việt Nam có bốn đặc điểm sau: Phân vai, nâng bậc vai, gọi thay và thân thuộc hóa.

Văn hóa xưng hô là một khía cạnh của văn hóa giao tiếp. Văn hóa giao tiếp bao gồm những chuẩn mực hành vi ứng xử do xã hội qui định và mang đặc tính dân tộc. Văn hóa xưng hô, nói rộng ra là văn hóa giao tiếp của người Việt gắn liền với những đặc điểm xã hội và văn hóa dân tộc Việt. Dân tộc Việt Nam đã trải qua nhiều thế kỷ dưới chế độ phong kiến. Nho giáo thấm sâu vào đời sống tinh thần của người Việt Nam với những nghi thức và những qui tắc tỉ mỉ về ứng xử trong quan hệ gia đình - xã hội, theo nguyên tắc "kính trên nhường dưới". Sự gắn bó mang tính chất "làng xã" cổ truyền giữa những người Việt Nam đã đem lại cho người Việt Nam lối sống nặng về tình cảm "trong h ngoài làng". Chính những đặc điểm văn hóa - xã hội trên đã ảnh hưởng sâu sắc đến văn hóa giao tiếp, cụ thể là văn hóa xưng hô của người Việt Nam. Bài viết này đưa ra một vài nhận xét về văn hóa xưng hô của người Việt Nam với hy vọng tìm được một lời giải đáp cho tình trạng "bề bộn" của hệ thống từ xưng hô hiện nay.

2. Khi đọc một văn bản đối thoại bằng tiếng Nga, tiếng Anh hay tiếng Pháp, thoạt đầu độc giả hầu như không xác định được những người tham gia giao tiếp là nam hay nữ, già hay trẻ và quan hệ giữa họ như thế nào. Bởi lẽ, xưng hô trong các ngôn ngữ này có hướng đến sự xác định ngôi (ngôi một, ngôi 2, ngôi 3) và số lượng thành viên tham gia giao tiếp ở từng ngôi (số ít, số nhiều). Trong tiếng Việt, khi xưng hô người tham gia giao

tiếp không chỉ được xác định về ngôi mà còn được phân vai một cách rõ ràng: là ai, và quan hệ như thế nào đối với đối tượng giao tiếp. Vai giao tiếp của người Việt Nam được qui định bởi vị trí của người đó đối với các thành viên khác trong hai hệ thống phân định rạch ròi: gia đình và xã hội. Trong hệ thống gia đình, vai bị qui tắc tôn ti chi phối, có nghĩa là vai được xác định theo thứ bậc thế hệ (ông bà - cháu, cha mẹ - con) theo thứ tự trước sau của cùng một thế hệ (anh chị - em), quan hệ vợ chồng cũng được xếp theo thứ tự trước sau, chồng rồi đến vợ (anh - em): Qui tắc tôn ti có sức mạnh tuyệt đối trong giao tiếp xưng hô của gia đình, họ hàng. Ở đây tuổi tác, vị trí xã hội, nghề nghiệp v.v... đều không có giá trị. Một người có vị trí xã hội cao hay nhiều tuổi nhưng trong quan hệ gia đình họ hàng ở thế hệ dưới thì vẫn phải xưng hô với người ở thế hệ trên có vị trí xã hội thấp hay ít tuổi hơn là em - anh chị, hay cháu - ông bà cô chú bác v.v... Trong hệ thống xã hội, vai được xác định theo qui tắc hoàn toàn khác. Lúc này tính chất của tình huống giao tiếp đóng vai trò quyết định. Tình huống giao tiếp có thể chia thành ba loại: giao tiếp không chính thức, giao tiếp chính thức, giao tiếp nửa chính thức. Giao tiếp không chính thức là giao tiếp trong sinh hoạt đời sống mang tính chất tự do trên đường phố, ở các nơi công cộng như nhà hát, công viên, chợ... Giao tiếp chính thức là giao tiếp trong các lĩnh vực đặc biệt đã được xã hội qui định sử dụng theo những qui tắc bắt buộc như: Trong nhà trường, quân đội, đảng phái, tôn giáo, ở các cuộc sinh hoạt mang tính chất đoàn thể - xã hội như lễ hội, hội họp trọng thể. Giao tiếp nửa chính thức là giao tiếp mang cả tính chất chính thức và tính chất không chính thức, có thể giao tiếp tự do hoặc giao tiếp theo những qui tắc bắt buộc như: trong cơ quan, nhà máy, công trường, ở các cuộc họp đơn vị tổ, nhóm, phố phường, làng xóm. Trong giao tiếp không chính thức, vai được xác định theo tuổi tác, trên cơ sở qui chiếu từ hệ thống gia đình. Tuy nhiên không phải tất cả các vai của hệ thống gia đình họ hàng mà chỉ có một số vai như: cụ, ông, bà, bác, cô, chú, anh, chị, em, cháu (miền Bắc) và dì, dượng, con (miền Nam) được sử dụng giao tiếp ở ngoài xã hội. Trong giao tiếp chính thức, vai được xác định theo nghề nghiệp và vị trí xã hội. Ở từng lĩnh vực có cách xưng hô riêng: đối với nhà trường xưng hô "em - thầy cô", đối với quân đội, đảng phái xưng hô "tôi - đồng chí", đối với tôn giáo xưng hô "con - cha" và "con - sư thầy, cụ..." ngoài cách xưng hô trên có thể xưng hô theo vị trí xã hội (em - giáo sư, tôi - đại tá...). Khi hội họp mang tính chất đoàn thể - xã hội, vai của đối tượng giao tiếp được nâng lên một cách trang trọng với các từ xưng hô "ngài vị" như: tôi - ngài, vị. Trong giao tiếp nửa chính thức, vai xác định một cách tùy tiện, có thể xưng hô theo tuổi tác như giao tiếp không chính thức và cũng có thể xưng hô theo nghề nghiệp, vị trí xã hội như giao tiếp chính thức, song về cơ bản cách xưng hô theo tuổi tác vẫn chiếm ưu thế. Một điều cần lưu ý là do tính chất phân vai theo các hệ thống khác nhau, mỗi thành viên tham gia giao tiếp có thể đóng rất nhiều vai. Nếu giao tiếp diễn ra giữa một chủ thể giao tiếp và một đối tượng giao tiếp thì việc lựa chọn vai để xưng hô có thể dựa trên những qui tắc đã nêu trên. Song nếu giao tiếp diễn ra giữa một chủ thể giao tiếp và nhiều đối tượng giao tiếp khác nhau trong bối cảnh giao tiếp không chính thức, nửa chính thức thì việc lựa chọn vai để xưng hô phải theo một qui tắc riêng (giao tiếp chính thức có những qui định bắt buộc nên không có những vấn đề phức tạp cần bàn). Qui tắc riêng đó là: phân vai đối tượng giao tiếp theo tầng bậc từ cao xuống thấp để xưng hô lần lượt, hoặc lựa chọn vai cao nhất để xưng hô. Chẳng hạn, giao tiếp với một tập thể đối tượng có cả bậc trên (ông, bà, chú, bác...) lẫn bậc bằng (anh, chị, em) và bậc dưới (con, cháu), khi chào mời, chủ thể giao tiếp phải chào mời từng bậc hoặc phải tách

riêng bậc trên mà không thể gộp tất cả làm một, kiểu "chào cả nhà" "mời tất cả", khi kể chuyện, chủ thể phải lựa chọn bậc cao nhất là "ông, bà, chú, bác..." để xưng mình là "cháu" mà không thể chọn bậc bằng hay dưới để xưng hô là "tôi" hoặc "anh, chị".

2.2. Quy tắc "kính trên nhường dưới" là qui tắc giao tiếp của người Việt Nam. Trên bình diện xưng hô, qui tắc này được hiện thực hóa bằng qui tắc "xưng khiêm, hô tôn". Khi xưng hô, chủ thể giao tiếp phải thể hiện thái độ khiêm nhường và tôn cao đối tượng giao tiếp. Trước kia trong xã hội phong kiến và thực dân phong kiến, chủ thể giao tiếp càng bị giảm thấp và đối tượng giao tiếp càng được tôn cao hơn cùng với sự không bình đẳng về vị trí xã hội giữa các tầng lớp giai cấp khác nhau. Ngày nay trong xã hội dân chủ tiến bộ, mọi người đều bình đẳng, vai trò của chủ thể giao tiếp được khẳng định hơn, vẻ đẹp truyền thống của qui tắc "xưng khiêm, hô tôn" vẫn được bảo tồn nhưng phát huy theo hướng tôn cao đối tượng giao tiếp có nghĩa là nâng vai đối tượng giao tiếp. Khi đối tượng giao tiếp đã đến tuổi thành niên có thể nâng lên thành "anh, chị", đến tuổi trung niên nâng lên thành "ông, bà", mặc dù xét về vai trong quan hệ chỉ là bậc "con cháu". Thuộc về xu hướng nâng bậc vai còn phải kể đến hiện tượng "gọi thay vai". Người Việt Nam thường hô gọi đối tượng giao tiếp thay vai của con hay cháu mình, chẳng hạn một người phụ nữ và một người đàn ông lớn tuổi hơn, nếu theo đúng vai thì sử dụng cặp từ xưng hô "em - anh", người phụ nữ hô gọi người đàn ông thay vai của con mình do vậy đã sử dụng cặp từ xưng hô "em - bác". Cách hô gọi đối tượng giao tiếp thay vai của người ở bậc thấp hơn mình cũng chính là cách nâng vai đối tượng giao tiếp. Việc phân vai, nâng vai gọi thay vai khi xưng hô chứng tỏ người Việt Nam rất chú trọng đến vai trong giao tiếp.

2.3. Người Việt Nam có quan niệm "trong họ ngoài làng", tất cả những người xung quanh đều thân thuộc, đều gắn bó với nhau ở mức độ xa gần. Tâm lý thân thuộc hóa quan hệ giao tiếp giữa những người Việt Nam đã được phản ánh ngay trên bình diện xưng hô. Ở cấp độ lớn mang tính chất toàn xã hội, các từ xưng hô trong gia đình họ hàng thân tộc như : ông, bà, cô, chú, bác, anh, em... đã được đem ra sử dụng ngoài xã hội. Ở cấp độ nhỏ mang tính chất cá nhân, các từ xưng hô được sử dụng với phương thức đặc biệt nhằm thân thuộc hóa đối tượng giao tiếp. Phương thức thứ nhất là đưa đối tượng giao tiếp và sở hữu riêng của chủ thể giao tiếp để nhấn mạnh sự gắn bó này. Chẳng hạn : *cháu bà ăn đi nào !* (đôi khi đưa cả người thứ ba có quan hệ gần gũi với đối tượng giao tiếp vào sở hữu riêng của chủ thể giao tiếp : *Chị em đi đâu rồi, anh ?* hoặc đưa vào sở hữu chung trong đó bao gồm cả chủ thể giao tiếp lẫn đối tượng giao tiếp : *các cụ nhà ta có khỏe không, em ?*). Phương thức thứ hai là đưa đối tượng giao tiếp vào quan hệ "bố mẹ - con", một quan hệ vốn được coi là gần gũi, thân thuộc nhất. Có khi cả đối tượng giao tiếp và chủ thể giao tiếp được đưa vào quan hệ này, chẳng hạn như các anh bộ đội hô gọi những người già là "bố, mẹ" và xưng là "con". Có khi chỉ đối tượng giao tiếp hoặc chủ thể giao tiếp được đưa vào quan hệ này với tư cách là "con" và xưng hô, chẳng hạn như : *cô - con, con - bác, chú...*

3. Xưng hô trong tiếng Việt có một cơ chế rất phức tạp. Trên đây chúng tôi mới chỉ trình bày một nguyên nhân chủ yếu tác động đến cơ chế này, đó là văn hóa xưng hô của người Việt Nam. Tham gia vào sự tác động cơ chế xưng hô còn có các yếu tố khác như thái độ giao tiếp và mục đích giao tiếp. Các yếu tố này cũng góp phần đáng kể tạo nên tính chất mềm dẻo, linh hoạt, đa dạng của cơ chế xưng hô. Hy vọng vấn đề này sẽ có dịp

trình bày ở báo cáo sau.

SOME OPINIONS ABOUT CULTURAL PERSONAL PRONOUNS IN VIETNAMESE

Pham Thanh

Vietnamese language has a great amount of address words; and the mechanism of this kind of system is always acting full of variety. It brings us the different pairs of addressed words in linguistic communication. We can't describe and analyze it without pointing out the systematical interaction outside internal structures of addressed words. The report touches upon one major tendency of effecting on the system of this kind - This is a Vietnamese culture in addressing with 4 characteristics as following :

- 1 - Different social roles in addressing.
- 2 - Give respects of social roles to addressees.
- 3 - Addressing in another social roles.
- 4 - Address - formalization.